

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HS-ST
Ngày 04-9-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Duy Diên
2. Bà Trần Thị Nơi

- Thư ký phiên toà: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H - tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Đình T, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: Thôn M, xã H1, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T1 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T2; có vợ Nguyễn Thị D và 03 con, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1989; nhân thân: năm 1980 tham gia quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 1983 xuất ngũ về địa phương lao động tự do;

Tiền sự: Ngày 08/5/2020, bị Công an huyện H, tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Tiền án: Bản án số 57/2013/HS-ST ngày 08-8-2013 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (chưa chấp hành hình phạt bổ sung). Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09-5-2020 đến ngày 11-5-2020 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình “có mặt”.

Những người làm chứng:

1. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

2. Ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn Kh, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ ngày 09/5/2020, tại đoạn đường liên thôn thuộc địa phận thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; tổ công tác Công an huyện H, phát hiện, bắt quả tang Phạm Đình T có hành vi cất giấu tại lòng bàn tay phải 01 gói ma túy, loại Heroin, có khối lượng 0,1784 gam, mục đích để sử dụng. Tổ công tác Công an huyện H, tỉnh Thái Bình đã thu giữ, quản lý và niêm phong gói ma túy trên trước sự chứng kiến của những người làm chứng. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Đình T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Thái Bình không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Bản kết luận giám định số 155/KLGD- PC09 ngày 11-5-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,1784 gam (*không thấy một nghìn bảy trăm tám mươi bốn gam*). Heroine STT:09, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Bản cáo trạng số 77/CT- VKSHH ngày 17-8-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 BLHS; xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T; Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì số 155/KLGD- PC09 còn nguyên niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình. Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T không tranh luận gì và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của BLTTHS.

[2] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (Bút lục từ số 31 đến số 32); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (Bút lục số 33); bản kết luận giám định số 155/KLGĐ- PC09 ngày 11-5-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,1784 gam (*không thấy một nghìn bảy trăm tám mươi bốn gam*) (Bút lục số 46); biên bản ghi lời khai của những người làm chứng: ông Phạm Văn H và ông Hoàng Văn Th (Bút lục từ số 82 đến số 89). Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Hồi 10 giờ ngày 09-5-2020, tại đoạn đường liên thôn thuộc địa phận thôn D, xã T, huyện H, Phạm Đình T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,1784 gam (*không thấy một nghìn bảy trăm tám mươi bốn gam*) ma túy, loại Heroine (Hêrôin), mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Điều 249: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...

c) *Heroin, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11* có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

d)...

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quy định độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Bị cáo nhận thức rõ ma túy là chất gây nghiện, gây tác hại nghiêm trọng đến sức khỏe con người, làm suy kiệt kinh tế gia đình, đồng thời ma túy cũng là nguyên nhân của rất nhiều loại tội phạm khác gây mất trật tự xã hội. Nhà nước đã nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán... trái phép chất ma túy, nhưng do mắc nghiện ma túy nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 BLHS, trước khi phạm tội bị cáo còn bị Công an huyện H xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt tù theo quy định của khung hình phạt, cách ly bị cáo khỏi cuộc sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam nên Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[4] Bị cáo mắc nghiện ma túy, mục đích tàng trữ trái phép ma túy là để sử dụng cho bản thân, không có thu nhập, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về nguồn gốc ma túy, Phạm Đình T khai: Khoảng 09 giờ 30 ngày 09-5-2020, T đi từ nhà ra đầu làng Thôn M, xã H1, huyện H gặp Khiên con bà Sánh ở thôn Ninh Thôn, xã Hòa Bình, huyện H đi xe máy đến, Khiên rủ T đi mua ma túy về sử dụng, T đồng ý Khiên chở T sang huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Khi sang huyện Quỳnh Phụ, T đứng chờ còn Khiên đi mua ma túy ở đâu T không biết. Khoảng 10 phút sau, Khiên quay lại chỗ T đứng và đưa cho T 01 gói ma túy T cầm ở lòng bàn tay phải rồi về huyện H để tìm chỗ sử dụng. Khi về đến địa phận thôn D, xã T, huyện H, Kh bảo T xuống xe đứng chờ để Kh đi vào nhà người quen có việc, thì T bị Công an huyện H, tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt giữ. Qua điều tra xác minh tại thôn Ninh Thôn, xã Hòa Bình, huyện H, có anh Phạm Đình Kh, sinh năm 1978, con ông Phạm Đình T (đã chết), con bà Hoàng Thị S. Ngày 09-5-2020, Kh đi làm thuê cùng với Phạm Đình Th, sinh năm 1964, trú tại

thôn Q, xã Ch, huyện H, ở khu vực T, huyện Đ; Kh không gặp T, không đưa ma túy cho T. Ngoài lời khai của T không còn tài liệu nào khác chứng minh việc Kh đã đưa ma túy cho T vào ngày 09-5-2020, nên không có căn cứ để xử lý đối với Kh trong vụ án này.

[6] Về xử lý vật chứng: 0,1451 gam (*Không thấy một nghìn bốn trăm năm mươi một gam*) ma túy, loại heroin còn lại sau giám định thu của bị cáo T trong phong bì còn nguyên niêm phong số 155/KLGD của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình là vật cấm lưu hành, cần tịch thu để tiêu huỷ.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Đình T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm h, khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T **02 (hai) năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 09-5-2020.
3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.
Tịch thu để tiêu huỷ: 0,1451 gam (*Không thấy một nghìn bốn trăm năm mươi một gam*) ma túy, loại heroin còn lại sau giám định thu của bị cáo T trong phong bì còn nguyên niêm phong số 155/KLGD của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (Vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình đang quản lý).
4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, bị cáo T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.
5. Bị cáo T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS Hưng Hà;
- Công an huyện H;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã Ký)

Trần Thị Nhàn